

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2018/HS-ST

Ngày: 05/4/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Liên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Lưu Ly.

Ông Trần Đức Nhì.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thư Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trương Công Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 24/2018/TLST-HS ngày 14 tháng 3 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2018/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 3 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T; Sinh ngày: 06/4/1961; Tại: Sài Gòn; Thường trú: 77/28/14 đường CL, khu phố 15, phường BTĐ, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Chạy xe Honda ôm; Trình độ văn hóa: 2/12 (biết đọc, biết viết); Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn T1 (chết) và bà: Nguyễn Thị H (chết); Có vợ: Là bà Huỳnh Thị C và con: Có 02 người con, lớn sinh năm 1989, nhỏ sinh năm 1991; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị bắt, tạm giam ngày 07/12/2017.

(có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Bà Dương Thị T; Sinh năm: 1971; Trú tại: 5/2 đường VCT, khu phố 3, thị trấn BL, tỉnh LA.

(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 22 giờ 50 phút ngày 07/12/2017, tại trước nhà số 293 đường BH, Phường M, Quận F, Đội phản ứng nhanh số 02 - Phòng PC64B Công an Thành phố Hồ Chí Minh phát hiện Nguyễn Văn T và một người thanh niên tên

T2 (không rõ lai lịch) đang ngồi trên 02 xe gắn máy có biểu hiện nghi vấn nên tiến hành kiểm tra. Thấy Công an, T2 bỏ xe chạy bộ vào hẻm nhỏ gần đó tẩu thoát, còn T cũng bỏ xe chạy bộ đến trước nhà số 601/16A đường ADV, phường ALA, quận BT thì bị bắt giữ. Qua kiểm tra, đã thu giữ trên tay trái của T 04 gói nylon bên trong có chứa tinh thể không màu (T khai là ma túy đá), nên đã giao T cùng vật chứng nêu trên cho Công an Phường M, Quận F giải quyết.

Tại Cơ quan điều tra Công an Quận 6, Nguyễn Văn T khai: Tối ngày 07/12/2017, sau khi gọi điện thoại cho T2 hỏi mua 04 bịch ma túy đá giá 1.100.000 đồng để bán lại cho những người nghiện, T điều khiển xe gắn máy biển số 62N1-118.58 đến điểm hẹn tại trước nhà số 293 đường BH, Phường M, Quận F gặp T2 và sau khi nhận 04 bịch ma túy từ T2, nhưng chưa kịp trả tiền thì đã bị Công an phát hiện bắt giữ như nêu trên.

Tại Kết luận giám định số: 106/KLGĐ-H ngày 15 tháng 12 năm 2017, Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã kết luận: Tinh thể không màu trong 04 gói nylon được niêm phong bên ngoài có chữ ký ghi tên Nguyễn Văn T và hình dấu Công an Phường M, Quận F gửi đến giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 1,8140g (một phẩy tám một bốn không gam), loại Methamphetamine.

Đối với người tên T2 bán ma túy cho Nguyễn Văn T, Cơ quan điều tra không xác định được lai lịch.

Tại Cáo trạng số: 23/CT-VKS-Q6 ngày 12 tháng 3 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội « Mua bán trái phép chất ma túy » theo khoản 1 Điều 251 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T khai nhận chính bị cáo vào tối ngày 07/12/2017, đã thực hiện hành vi mua 04 bịch ma túy đá giá 1.100.000 đồng từ một người tên T2 (không rõ lai lịch) để bán, nhưng chưa kịp bán thì đã bị Công an phát hiện bắt giữ như bản cáo trạng nêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Văn T như bản cáo trạng và sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo cùng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 03 năm đến 04 năm tù về tội « Mua bán trái phép chất ma túy » theo khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Phạt tiền bị cáo từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 01 chiếc xe gắn máy biển số 62N1-118.58, số máy LC150FMG-00538808, không xác định được số khung nguyên thủy (loại xe hai bánh từ 50-175cm³, nhãn hiệu Sindo, số loại 100, sơn màu Nâu, dung tích 97); 01 chiếc xe gắn máy không xác định được số khung, số máy nguyên thủy; 01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia, vỏ màu đen, số Imei 1: 357325082860289, số Imei 2: 357319088740280 và số tiền 1.100.000 đồng.

Tịch thu, tiêu hủy: 01 gói có chứa ma túy tổng hợp đã được niêm phong, bên ngoài có ghi vụ số: 106/2018, có chữ ký niêm phong lại của giám định viên Nguyễn Xuân Sang và cán bộ điều tra Nguyễn Minh Tấn; 01 sim điện thoại có dòng chữ Viettel có dãy số 8984048701015835328; 01 sim điện thoại có dòng chữ Mobifone có dãy số 8401170833348361 và 01 biển số xe 59P1-805.78 giả.

Trả lại bị cáo Nguyễn Văn T số tiền 200.000 đồng.

Lời nói sau cùng, bị cáo Nguyễn Văn T nhận thức được hành vi của bị cáo là sai, là vi phạm pháp luật và xin Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức án nhẹ nhất để bị cáo sớm trở về với gia đình, có cơ hội làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 6, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối chiếu lời khai của bị cáo Nguyễn Văn T tại phiên tòa là phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang, Kết luận giám định, lời khai của người làm chứng tại Cơ quan điều tra cùng những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Văn T đã mua bán chất ma túy ở thể rắn (loại Methamphetamine) có khối lượng 1,8140 gam, là phạm tội « Mua bán trái phép chất ma túy ». Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T không những đã xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước về việc trao đổi, cất giữ chất ma túy mà còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, trị an chung.

Bị cáo Nguyễn Văn T có đủ khả năng nhận thức được hành vi cũng như hậu quả do hành vi của mình gây ra, nhưng do hám lợi và nhất là xem thường pháp luật, nên bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội nêu trên.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn T là nghiêm trọng, bởi ma túy nói chung và Methamphetamine nói riêng là chất gây nghiện có tác hại rất lớn và ảnh hưởng rất xấu đến sức khỏe, là nguyên nhân gây ra các tệ nạn xã hội và tội phạm khác, do đó Hội đồng xét xử thấy cần phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dục đối với bị cáo và để phòng ngừa chung. Tuy nhiên, xét bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa đều có thái độ thành khẩn nhận tội, ăn năn hối cải; phạm tội lần

đầu, chưa có tiền án, tiền sự; bản thân bị cáo đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự và có thời gian tham gia Chiến trường Campuchia (Chiến trường K giai đoạn 1982 - 1985), nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt khi lượng hình cho bị cáo theo quy định tại điểm s, điểm x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4] Ngoài hình phạt tù, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo Nguyễn Văn T theo quy định tại khoản 5 Điều 251 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5] Việc xử lý vật chứng: Số tiền 1.300.000 đồng thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn T, trong đó có 1.100.000 đồng là tiền bị cáo khai dùng để mua ma túy, nên Hội đồng xét xử tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước cùng với chiếc điện thoại di động hiệu Nokia, vỏ màu đen, số Imei 1: 357325082860289, số Imei 2: 357319088740280 (bị cáo khai sử dụng vào việc phạm tội), theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a, điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Còn lại 200.000 đồng, không đủ chứng cứ xác định do bị cáo phạm tội mà có hoặc bị cáo sẽ dùng vào việc phạm tội, nên Hội đồng xét xử trả lại bị cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Đối với chiếc xe gắn máy biển số 62N1-118.58, theo Kết luận giám định số: 1561/KLGĐ-X(Đ6) ngày 05/01/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh và Phiếu trả lời xác minh ngày 26/12/2017 của Phòng cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh thì chiếc xe này có số máy LC150FMG-00538808, không xác định được số khung nguyên thủy (loại xe hai bánh từ 50-175cm³, nhãn hiệu Sindo, số loại 100, sơn màu Nâu, dung tích 97), do bà Dương Thị T đứng tên chủ xe, nhưng năm 2014 bà T đã bán lại cho người khác và bà xác nhận không còn quyền lợi gì đối với chiếc xe này nữa. Ngày 24/01/2018, Cơ quan điều tra Công an Quận 6 đã đề nghị thông báo tìm chủ hữu của chiếc xe trên Báo Công an Thành phố Hồ Chí Minh, nhưng đến nay vẫn không có ai đến nhận. Còn bị cáo Nguyễn Văn T khai mua chiếc xe này từ một người thanh niên (không rõ lai lịch) với giá 2.000.000 đồng và xe không có giấy tờ. Đối với chiếc xe gắn máy biển số 59P1-805.78, theo Kết luận giám định số: 1562/KLGĐ-X(Đ6) ngày 05/01/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh thì chiếc xe này không xác định được số khung, số máy nguyên thủy. Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T khai chiếc xe này là của người tên T2. Như vậy, đã có đủ cơ sở xác định hai chiếc xe gắn máy nói trên thuộc trường hợp không xác định được chủ sở hữu cũng như người quản lý hợp pháp, là xe cấm lưu hành (số khung, số máy bị mài sâu đục lại), nên Hội đồng xét xử tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm a, điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Riêng 01 gói có chứa ma túy tổng hợp đã được niêm phong, bên ngoài có ghi vụ số: 106/2018, có chữ ký niêm phong lại của giám định viên Nguyễn Xuân Sang và cán bộ điều tra Nguyễn Minh Tấn; 01 sim điện thoại có dòng chữ Viettel có dãy số 8984048701015835328; 01 sim điện thoại có dòng chữ Mobifone có dãy số 8401170833348361, là vật cấm lưu hành, vật không có giá trị hoặc không sử dụng được, nên Hội đồng xét xử tịch thu, tiêu hủy cùng với biển số 59P1-805.78 giả theo quy định tại điểm a, điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a, điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, vì theo Phiếu trả lời xác minh ngày 08/12/2017 của Công an Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh thì biển số 59P1-805.78 thật là của chiếc xe gắn máy có số máy F18E-5284377, số khung 8018Y-680369 (loại xe hai bánh từ 50-175cm³, sơn màu Đỏ Đen, nhãn hiệu Honda, số loại Airblade, dung tích 108), do bà Nguyễn Thị Lan H, trú tại 168/11B đường HHT, Phường 13, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh đứng tên chủ xe.

(theo Phiếu nhập kho vật chứng số: 25/PNK ngày 31 tháng 01 năm 2018 của Công an Quận 6 - BL55).

Đối với người tên T2 mà bị cáo Nguyễn Văn T khai bán ma túy cho bị cáo, Cơ quan điều tra không xác định được và tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị lúc nào Cơ quan điều tra làm rõ giải quyết sau, do đó Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn T** phạm tội: « Mua bán trái phép chất ma túy ».

- Căn cứ khoản 1 Điều 251; điểm s, điểm x khoản 1 Điều 51 và Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T** 02 (hai) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 07/12/2017.

- Căn cứ khoản 5 Điều 251 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T nộp phạt 5.000.000 (năm triệu) đồng.

- Căn cứ điểm a, điểm b, điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a, điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 01 (một) chiếc xe gắn máy biển số 62N1-118.58, số máy LC150FMG-00538808, không xác định được số khung nguyên thủy (loại xe hai bánh từ 50-175cm³, nhãn hiệu Sindo, số loại 100, sơn màu Nâu, dung tích 97); 01 (một) chiếc xe gắn máy không xác định được số khung, số máy nguyên thủy; 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Nokia, vỏ màu đen, số Imei 1: 357325082860289, số Imei 2: 357319088740280 và 1.100.000 (một triệu một trăm ngàn) đồng.

- Căn cứ điểm a, điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a, điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) gói có chứa ma túy tổng hợp đã được niêm phong, bên ngoài có ghi vụ số: 106/2018, có chữ ký niêm phong lại của giám định viên Nguyễn Xuân Sang và cán bộ điều tra Nguyễn Minh Tấn; 01 (một) sim điện thoại có dòng chữ Viettel có dãy số 8984048701015835328; 01 (một) sim điện thoại có dòng chữ Mobifone có dãy số 8401170833348361 và 01 (một) biển số xe 59P1-805.78 giả.

- Căn cứ khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Trả lại bị cáo Nguyễn Văn T 200.000 (hai trăm ngàn) đồng.

- Căn cứ Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Bị cáo Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND Quận 6;
- Công an Quận 6;
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- Công an Tp. Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS Quận 6;
- Sở Tư pháp Tp. Hồ Chí Minh;
- Bị cáo;
- Người có QLVNQLQ đến vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thùy Liên